

GIAO DỊCH TÍN CHỈ CARBON THU ĐƯỢC THEO ĐIỀU 6.4 THỎA THUẬN PARIS VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS PHẠM HỒNG HẠNH

Khoa Pháp luật Quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội

Faculty of International Law, Hanoi Law University

Email: phamhonghanh@hlu.edu.vn

Tóm tắt

Một trong những hàng hóa được giao dịch trên thị trường carbon Việt Nam là tín chỉ carbon thu được từ cơ chế theo Điều 6 Thỏa thuận Paris. Điều 6.4 Thỏa thuận Paris tạo điều kiện cho các quốc gia đạt được các mục tiêu trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Bài viết trước tiên sẽ phân tích các vấn đề pháp lý về cơ chế tín chỉ carbon theo Điều 6.4, từ đó, đề xuất một số giải pháp cho Việt Nam để tham gia vào thị trường carbon theo Điều 6.4.

Từ khóa: thị trường carbon, Điều 6.4 Thỏa thuận Paris, tín chỉ carbon

Abstract

One of the commodities in the Vietnamese carbon market is carbon credits under Article 6 of the Paris Agreement. Article 6.4 of the Paris Agreement facilitates countries in achieving their goals in responding to climate change. The author will first analyze the legal issues of the carbon credit mechanism under Article 6.4, and then propose some solutions for Vietnam.

Keywords: carbon market, Article 6.4, Paris Agreement, carbon credits

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.456>

Ngày nhận bài: 15/06/2025

Ngày duyệt đăng: 30/10/2025

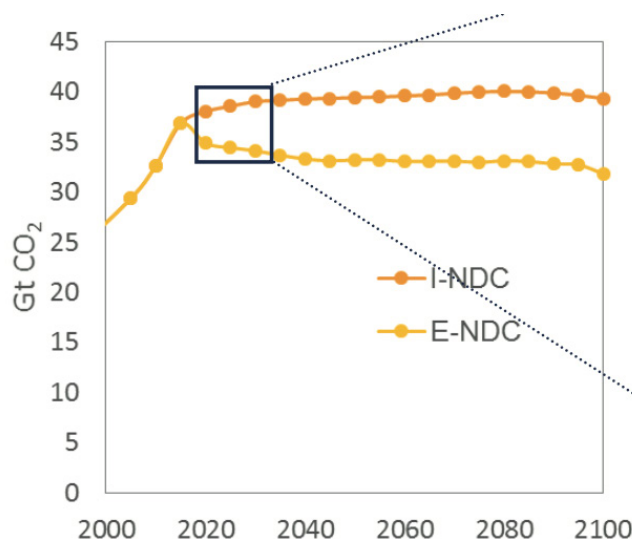
Để ứng phó với biến đổi khí hậu, các quốc gia đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau. Trong đó, kinh doanh phát thải, cụ thể là mua bán tín chỉ carbon, được xem như một công cụ hiệu quả về chi phí, sự linh hoạt và minh bạch so với các chính sách môi trường truyền thống.¹ Thị trường carbon được vận hành theo nguyên lý một bên (bên bán) có lượng phát thải khí nhà kính (KNK) thấp hơn hạn ngạch phát thải được ấn định hoặc đã cam kết sẽ bán hạn ngạch phát thải dưới hình thức tín chỉ carbon² cho một bên (bên mua) có nguy cơ phát thải vượt quá hạn mức để bên mua đáp ứng các mục tiêu phát thải của mình. Lợi nhuận của bên bán sẽ khuyến khích quốc gia tiếp tục giảm phát thải để bán tín chỉ carbon. Ngược lại, chi phí tài chính phải bỏ ra khi mua hạn ngạch phát thải do lượng phát thải cao sẽ thúc đẩy quốc gia cân nhắc hơn trong việc phát thải.

Điều 6 Thỏa thuận Paris đã thiết lập một cơ chế quốc tế trong mua bán tín chỉ carbon giữa các bên, bao gồm (i) cơ chế mua bán tín chỉ carbon song phương, đa phương theo Điều 6.2 và (ii) cơ chế mua bán tín chỉ carbon toàn cầu đặt dưới sự quản lý của Liên hợp quốc theo Điều 6.4. Mục tiêu của các cơ chế này là tăng cường giảm phát thải KNK, khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức công và tư được một Bên ủy quyền tham gia vào việc giảm phát thải KNK, góp phần giảm mức phát thải tại bên chủ nhà (bên chuyển giao tín chỉ carbon) và giảm thiểu tổng thể lượng phát thải

1 Đào Gia Phúc, Phạm Hồng Hạnh, “Một số vấn đề lý luận về kinh doanh phát thải và pháp luật quốc tế về kinh doanh phát thải”, *Kinh doanh phát thải – Pháp luật quốc tế, thực tiễn một số quốc gia và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Phạm Hồng Hạnh (chủ biên), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2023, tr. 26.

2 Tom Tietenberg, Michael Grubb, Axel Michaelowa, Byron Swift and ZhongXiang Zhang, *International Rules for Greenhouse Gas Emissions Trading: Defining the principles, modalities, rules and guidelines for verification, reporting and accountability*, United Nations conference on trade and development, UNCTAD/GDS/GFSB/Misc.6, 1999, p. 19, <https://unctad.org/system/files/official-document/pogdsgfsbm6.en.pdf>, truy cập ngày 15/06/2025.

toàn cầu.³ Một số nghiên cứu đã ước tính tác động tích cực của Điều 6 đối với mục tiêu giảm phát thải KNK bằng cách so sánh việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (*Nationally Determined Contribution*, NDC) độc lập (*Independent - Nationally Determined Contribution*, I-NDC) và thực hiện NDC thông qua cơ chế của Điều 6 (*Enhanced Nationally Determined Contribution*, E-NDC).



Hình 1: Lượng giảm phát thải CO₂ toàn cầu từ công nghiệp và năng lượng trong trường hợp I – NDC và E – NDC⁴

Hình 1 cho thấy tổng lượng phát thải toàn cầu theo các kịch bản I-NDC và E-NDC. Theo đó, vào năm 2030, lượng giảm phát thải carbon toàn cầu nếu thực hiện theo Điều 6.4 sẽ cao hơn khoảng 5 GtCO₂/năm so với trường hợp thông thường. Đặc biệt, nếu Điều 6.4 được thực hiện một cách hoàn hảo trong thời gian liên tục, con số giảm phát thải này vượt quá 520 GtCO₂.⁵ Kịch bản giảm phát thải tăng cường cho phép giảm thiểu nhiều hơn 50% so với I-NDC.⁶

Các NDC được cập nhật gần đây ngày càng cho thấy sự sẵn sàng trong việc sử dụng các cơ chế thị trường để đạt được các mục tiêu đề ra.⁷ Nếu được thiết kế phù hợp, cách tiếp cận dựa trên thị trường theo Điều 6 cho phép đặt ra các mục tiêu NDC tham vọng hơn thông qua việc giảm bớt các chi phí giảm nhẹ BĐKH.⁸

3 Climate change regional Collaboration Centres, “Webinar series overview of Article 6.4 mechanism”, UNFCCC, 2023, https://unfccc.int/sites/default/files/resource/Webinar%20IIL_2023-08-23_Overview%20of%20Article%206.4.pdf, truy cập ngày 15/06/2025.

4 Jae Edmonds, Dirk Forrister, Leon Clarke, Stefano de Clara, Clayton Munnings, “The economic potential of Article 6 of the Paris Agreement and implementation challenges”, *World Bank Group*, 2019, DOI: <https://doi.org/10.1596/33523>

5 Allen A. Fawcett, Gokul C. Iyer, Leon E. Clarke, James A. Edmonds, Nathan E. Hultman, Haewon C. Mcjeon, Joeri Rogelj, Reed Schuler, Jameel Alsalam, Ghassem R. Asrar, Jared Creason, Minji Jeong, James Mcfarland, Anupriya Mundra, And Wenjing Shi, “Can Paris pledges avert severe climate change?”, *Science*, Vol. 350, 2015, DOI: <https://doi.org/10.1126/science.aad5761>

6 Jae Edmonds, Dirk Forrister, Leon Clarke, Stefano de Clara, Clayton Munnings, *tlld*.

7 Victoria Brandemann, Nicolas Kreibich and Wolfgang Obergassel, “Implementing Paris cooperatively: market mechanisms in the latest NDC submissions”, *Policy Paper*, Wuppertal Institute, Wuppertal, No. 01, 2021.

8 Axel Michaelowa, Ulf Moslener, Szymon Mikolajczyk, Stephan Hoch, Paula Pauw, Matthias Krey, Karol Kempa, Aglaja Espelage, Kaja Weldner and Carsten Jung, *Opportunities for mobilizing private climate finance through Article 6*, Perspectives Climate Group, Frankfurt School, Climate Focus, Freiburg, 2019.

1. Khung pháp lý về giao dịch tín chỉ carbon theo Điều 6.4 Thỏa thuận Paris

Điều 6.4 Thỏa thuận Paris cho phép các bên mua bán tín chỉ phát thải (A6.4ER) để đạt được mục tiêu về giảm phát thải KNK theo các quy tắc, thể thức và thủ tục được cuộc họp của Hội nghị các bên (*Conference of the Parties serving as the Meeting of the Parties to the Paris Agreement*, CMA) thông qua. Ngoài Thỏa thuận Paris, cơ sở pháp lý hiện nay điều chỉnh hoạt động giao dịch tín chỉ carbon theo Điều 6.4 là Quyết định 3/CMA.3 về quy tắc, phương thức và thủ tục đối với cơ chế được thiết lập theo khoản 4 Điều 6 Thỏa thuận Paris (Quyết định 3/CMA.3)⁹ và các văn bản về các thủ tục khác nhau như A6.4-Proc-Regs-001 về cơ chế đăng ký, A6.4- Proc-Accr-002 về giám sát hoạt động của các cơ quan được chỉ định (*Designated Operational Entity*, DOE)...

A6.4ER là kết quả của các hoạt động giảm phát thải và/hoặc loại bỏ phát thải, trong đó, các hoạt động loại bỏ phát thải là “các hoạt động do con người tạo ra nhằm loại bỏ carbon dioxide khỏi khí quyển và đảm bảo lưu trữ lâu dài carbon dioxide trong các hồ chứa trên cạn, địa chất hoặc đại dương hoặc trong các sản phẩm lâu dài”. Các hoạt động này có thể bao gồm trồng rừng, tái trồng rừng, tái tạo thảm thực vật, quản lý rừng bền vững, phục hồi và làm ẩm lại vùng đất ngập nước, thu giữ và lưu trữ khí carbon dioxide trực tiếp, nông lâm kết hợp và lâm nghiệp đô thị, cùng các hoạt động khác.¹⁰

2. Điều kiện tham gia vào cơ chế theo Điều 6.4

Thành viên của Thỏa thuận Paris có thể tham gia vào cơ chế quy định tại Điều 6.4 với điều kiện: đã chuẩn bị, công bố và đang duy trì đóng góp do quốc gia tự quyết định (*Nationally Determined Contribution*, NDC); chỉ định một cơ quan quốc gia cho cơ chế này và thông báo cho ban thư ký; thông báo với Cơ quan giám sát về việc tham gia vào cơ chế này đóng góp ra sao vào sự phát triển bền vững của quốc gia; thông báo với Cơ quan giám sát về việc hoạt động nào thuộc phạm vi Điều 6.4 sẽ được xem xét chấp thuận theo thủ tục chấp nhận và cho phép và các loại hoạt động đó và bất kỳ hoạt động giảm phát thải liên quan nào sẽ góp phần ra sao trong việc đạt được NDC, đạt được chiến lược giảm khí nhà kính dài hạn (nếu có) trong trường hợp quốc gia đã đệ trình chiến lược như vậy và các mục tiêu dài hạn của Thỏa thuận Paris.¹¹

Các hoạt động giảm phát thải, loại bỏ phát thải thuộc phạm vi Điều 6.4 phải đáp ứng được những điều kiện sau:

- Một là, phải được thiết kế để giảm nhẹ phát thải và không dẫn đến tăng phát thải toàn cầu;

- Hai là, là dự án, chương trình hoạt động hoặc loại hoạt động khác được Cơ quan giám sát chấp thuận;

- Ba là, được thiết kế để đạt mức giảm phát thải tại nước chuyển giao (nước chủ nhà);

- Bốn là, mang lại lợi ích thực tế, có thể đo lường được và lâu dài liên quan đến biến đổi khí hậu; giảm thiểu rủi ro từ việc giảm phát thải không lâu dài trong quá trình thực hiện NDC và, khi xảy ra tình trạng đảo ngược, đảm bảo rằng những rủi ro này

9 Quyết định 3/CMA.3 về các quy tắc, phương thức và thủ tục của cơ chế được thiết lập theo Điều 6, khoản 4 của Thỏa thuận Paris, đoạn 1(b).

10 European Capacity Building Initiative, “Pocket guide to Article 6 under the Paris Agreement”, *Oxford Climate Policy*, 2022, tr. 39, https://ecbi.org/sites/default/files/Pocket_Guide_to_Article_6.pdf, truy cập ngày 15/06/2025.

11 Quyết định 3/CMA.3, đoạn 26.

được giải quyết đầy đủ; Giảm thiểu rủi ro rò rỉ và điều chỉnh cho bất kỳ rò rỉ nào còn lại trong tính toán lượng giảm hoặc loại bỏ phát thải; Giảm thiểu và, nếu có thể, tránh các tác động tiêu cực về môi trường và xã hội;

- *Năm* là, tiến hành tham vấn các bên liên quan tại địa phương và, khi thích hợp, phù hợp với các thỏa thuận trong nước hiện hành liên quan đến sự tham gia của cộng đồng, cộng đồng địa phương và người dân bản địa ở cấp địa phương, nếu có.¹²

Thời hạn tối đa của A6.4ER là 5 năm, có thể gia hạn tối đa hai lần hoặc tối đa là 10 năm trong trường hợp không có lựa chọn gia hạn. Trên cơ sở phù hợp với hoạt động loại bỏ phát thải hoặc các hoạt động liên quan đến việc loại bỏ phát thải, thời hạn tối đa của A6.4ER có thể kéo dài đến 15 năm, có thể gia hạn tối đa hai lần, phù hợp với hoạt động và phải được Cơ quan giám sát chấp thuận hoặc ngắn hơn thời hạn trên do Bên chuyển nhượng (chủ nhà) quy định.¹³

2.1. Trình tự tiến hành hoạt động mua bán tín chỉ carbon theo Điều 6.4

Hoạt động mua bán tín chỉ carbon theo Điều 6.4 được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Trước khi đăng ký

Tổ chức, cá nhân dự định thực hiện hoạt động mua bán tín chỉ carbon theo Điều 6.4 phải thông báo cho Ban thư ký (BTK) về dự định đăng ký dự án (thủ tục thông báo xem xét trước) thông qua website của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (*United Nations Framework convention on climate change*, UNFCCC chậm nhất là 180 ngày sau ngày bắt đầu của dự án. Thông báo sẽ kèm theo bản tóm tắt thông tin dự án, bao gồm các thông tin tối thiểu như: Tên dự án; Tên của những chủ thể tham gia dự án; Vị trí địa lý chính xác; Mô tả ngắn gọn về các công nghệ hoặc biện pháp sẽ được triển khai; Ngày bắt đầu thực tế hoặc theo kế hoạch; Lượng dự kiến cắt giảm phát thải GHG hoặc loại bỏ GHG ròng dự kiến đạt được của dự án trong mỗi năm.¹⁴

Sau khi BTK xác nhận rằng thông tin bắt buộc đã được cung cấp đầy đủ, BTK sẽ chỉ định một số tham chiếu duy nhất cho dự án và thông báo trên website của UNFCCC cũng như Bên chủ nhà. Bên chủ nhà có thể thông báo trên website của UNFCCC rằng họ không phản đối dự án A6.4 được đề xuất để tiến hành yêu cầu đăng ký theo cơ chế Điều 6.4.¹⁵

Ngoài ra, các chủ thể tham gia dự án theo Điều 6.4 phải nộp một tài liệu thiết kế dự án (*Project Design Document*, PDD) được chuẩn bị theo tiêu chuẩn để BTK công bố trên website của UNFCCC nhằm lấy ý kiến của các thành viên, các đối tác và quan sát viên của UNFCCC.¹⁶

Sau khi nhận được thông báo của BTK về việc công bố và nhận được PDD, bên chủ nhà (bên chuyển nhượng) phải phản hồi trên website của UNFCCC về việc chấp thuận hoặc từ chối để dự án được đăng ký theo cơ chế Điều 6.4 và nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối.¹⁷

Bước 2: Đăng ký dự án

Sau khi xác nhận rằng dự án đề xuất được mô tả trong PDD đáp ứng đầy đủ tất

12 Quyết định 3/CMA.3, đoạn 31.

13 Như trên.

14 Đoạn 13 và đoạn 14 của Thủ tục “Quy trình chu trình hoạt động theo Điều 6.4 đối với các dự án” (Phiên bản 02.0), mã tài liệu A6.4-PROC-AC-002.

15 Đoạn 16 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

16 Đoạn 18, 19 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

17 Đoạn 20 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

cả các yêu cầu, một cơ quan được chỉ định (*Designated operational Entity*, DOE) sẽ gửi yêu cầu đăng ký dự án tới BTK sau khi Bên chủ nhà thông báo cho Cơ quan giám sát về việc chấp thuận dự án.¹⁸

Quá trình xử lý yêu cầu đăng ký như sau: Trước tiên BTK sẽ kiểm tra yêu cầu đăng ký. Nếu yêu cầu đăng ký không đáp ứng các yêu cầu của kiểm tra thực chất, BTK sẽ kết luận rằng yêu cầu đã nộp chưa đầy đủ và thông báo lý do cơ bản cho những người tham gia dự án và DOE, đồng thời công khai trên website của UNFCCC. Nếu không thuộc trường hợp này, yêu cầu đăng ký sẽ được coi là đã được Cơ quan giám sát tiếp nhận để xem xét.¹⁹

Nếu Bên chủ nhà hoặc bất kỳ Bên tham gia nào khác, hoặc bất kỳ thành viên nào, yêu cầu xem xét lại yêu cầu đăng ký, BTK sẽ thành lập một nhóm chuyên gia đánh giá để tiến hành đánh giá yêu cầu xem xét. Nhóm chuyên gia sẽ đưa ra một trong hai đề xuất, hoặc từ chối yêu cầu đăng ký hoặc chấp nhận yêu cầu đăng ký.²⁰ Cơ quan giám sát sẽ xem xét báo cáo đánh giá của nhóm chuyên gia và quyết định đăng ký dự án A6.4 được đề xuất theo cơ chế Điều 6.4 hoặc từ chối yêu cầu đăng ký. Các bên liên quan đủ điều kiện, người tham gia dự án và các Quốc gia thành viên (QGTV) có thể, theo thủ tục kháng cáo và khiếu nại, nộp đơn kháng cáo quyết định của Cơ quan giám sát trong vòng 28 ngày kể từ ngày ra quyết định.²¹

Nếu quyết định của Cơ quan giám sát là đồng ý đăng ký dự án, BTK sẽ tiến hành đăng ký.²²

Bước 3: Phát hành A6.4ER

Các bên tham gia hoạt động của dự án A6.4 đã đăng ký phải chuẩn bị báo cáo giám sát cho mỗi kỳ giám sát theo tiêu chuẩn hoạt động, sử dụng “Biểu mẫu báo cáo giám sát” và nộp cho một DOE được công nhận trong phạm vi ngành liên quan để thực hiện xác minh lượng giảm phát thải KNK hoặc lượng loại bỏ KNK ròng. DOE sẽ xác minh và chứng nhận cho toàn bộ thời gian giám sát được nêu trong báo cáo giám sát.²³

Bên chủ nhà phải cung cấp tuyên bố ủy quyền về việc sử dụng A6.4ER cho dự án càng sớm càng tốt trước khi phát hành A6.4ER đầu tiên cho dự án thông qua giao diện chuyên dụng trên trang website UNFCCC. Nếu Bên chủ nhà cho phép, toàn bộ hoặc một phần các A6.4ER được cấp cho dự án sẽ để sử dụng nhằm đạt được NDC và/hoặc cho các mục đích giảm nhẹ quốc tế khác.²⁴

Sau khi xác minh lượng giảm phát thải KNK hoặc lượng loại bỏ KNK ròng đạt được của dự án A6.4 đã đăng ký, DOE sẽ gửi yêu cầu phát hành A6.4ER tới BTK thông qua giao diện chuyên dụng trên website UNFCCC, kèm theo báo cáo giám sát, báo cáo xác minh và chứng nhận. DOE sẽ thông báo lệ phí phát hành hoặc xác nhận không có lệ phí phát hành cho những người tham gia dự án và các bên tham gia phải nộp lệ phí trong vòng một năm kể từ ngày DOE phát hành thông báo. Nếu BTK nhận được khoản tiền gửi lệ phí phát hành trước thời hạn này, yêu cầu phát hành sẽ được coi là đã bị rút lại.²⁵

18 Đoạn 38 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

19 Đoạn 51 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

20 Đoạn 68 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

21 Đoạn 73, 74 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

22 Đoạn 75,76 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

23 Đoạn 130, 131 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

24 Đoạn 133 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

25 Đoạn 149, 151,152 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

BTK sẽ kiểm tra yêu cầu phát hành A6.4ER theo hướng dẫn của Cơ quan giám sát. Sau khi kết thúc giai đoạn này, nếu yêu cầu không đáp ứng quy định, BTK sẽ thông báo lý do cơ bản cho những người tham gia hoạt động và DOE, DOE có thể nộp lại yêu cầu phát hành trong vòng 28 ngày để BTK kiểm tra lại. Ngược lại, BTK sẽ công bố yêu cầu phát hành trên website của UNFCCC và yêu cầu phát hành được coi là đã được Cơ quan giám sát tiếp nhận để xem xét.²⁶

Nếu BTK không nhận được ý kiến xem xét lại yêu cầu phát hành từ bất kỳ chủ thể nào, yêu cầu phát hành sẽ được coi là đã được Cơ quan giám sát chấp thuận.²⁷ Trong trường hợp ngược lại, BTK sẽ thành lập một nhóm chuyên gia để xem xét trong phạm vi các bên yêu cầu đưa ra đối với đề xuất cấp A6.4ER.²⁸ Cơ quan giám sát sẽ xem xét báo cáo đánh giá của nhóm đánh giá và biên bản tóm tắt của BTK để quyết định có cho phép phát hành A6.4ER hay không. Các bên liên quan đủ điều kiện, các bên tham gia dự án và các Bên có thể nộp đơn khiếu nại quyết định của Cơ quan giám sát trong vòng 14 ngày kể từ ngày ra quyết định.²⁹ Nếu không có khiếu nại, Cơ quan giám sát sẽ hướng dẫn quản trị viên của cơ chế đăng ký phát hành số lượng A6.4ER đã được chỉ định. Nếu quyết định cuối cùng của Cơ quan giám sát trong trường hợp có khiếu nại không có thay đổi so với quyết định ban đầu, BTK sẽ cập nhật thông tin trên website của UNFCCC tương ứng vào ngày làm việc đầu tiên sau khi quyết định được đưa ra.³⁰

Trong trường hợp các bên tham gia tự nguyện muốn rút lại yêu cầu phát hành A6.4ER hoặc DOE đã sửa đổi báo cáo thẩm định và/hoặc báo cáo chứng nhận của mình dựa trên những hiểu biết hoặc thông tin mới, DOE sẽ nộp yêu cầu rút lại yêu cầu phát hành A6.4ER cho BTK. BTK sẽ kiểm tra thông tin được cung cấp và nếu yêu cầu đầy đủ, sẽ hoàn trả phí đăng ký phát hành.³¹

Bước 4: Chuyển nhượng

A6.4ER được chuyển nhượng cho bên mua để đạt được NDC hoặc cho các mục đích giảm nhẹ quốc tế khác hoặc cho các mục đích khác.

Khi phát hành, quản trị viên sẽ thực hiện chuyển nhượng 5% số A6.4ER đã phát hành vào một tài khoản do Quỹ thích ứng nắm giữ trong cơ chế đăng ký để hỗ trợ các bên tham gia Thỏa thuận Paris là các quốc gia đang phát triển đặc biệt dễ bị tổn thương trước các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu để đáp ứng các chi phí thích ứng, đồng thời, tối thiểu 2% số A6.4ER đã phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản hủy của cơ chế đăng ký cơ chế để hủy bỏ. Các A6.4ER bị hủy bỏ sẽ không được tiếp tục chuyển nhượng hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào, bao gồm cả việc đạt được NDC hoặc cho các mục đích giảm nhẹ quốc tế khác hoặc cho các mục đích khác. Ngoài ra, các Bên tham gia Thỏa thuận Paris, các chủ thể tham gia các hoạt động thuộc Điều 6.4 và các bên liên quan cũng có thể yêu cầu hủy bỏ tự nguyện A6.4ER trong cơ chế đăng ký nhằm mục đích giảm thiểu tổng thể hơn nửa lượng phát thải toàn cầu.³²

Các chủ thể tham gia hoạt động thuộc Điều 6.4 có thể tự nguyện yêu cầu quản trị viên hủy bỏ trong cơ chế đăng ký một lượng A6.4ER cụ thể đã phát hành.³³

26 Đoạn từ 154-162 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

27 Đoạn 168 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

28 Đoạn 173, 178 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

29 Đoạn 183, 184 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

30 Đoạn 185, 190 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

31 Đoạn 198, 199 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

32 Quyết định 3/CMA.3, đoạn 69, 70.

33 Quyết định 3/CMA.3, đoạn 61.

2.2. Giám sát hoạt động theo Điều 6.4

Hoạt động kinh doanh phát thải theo Điều 6.4 được giám sát bởi Cơ quan giám sát (A6.4B). A6.4B bao gồm 12 thành viên, được CMA bầu ra từ các bên tham gia Thỏa thuận Paris trên cơ sở đảm bảo sự đại diện rộng rãi và công bằng về mặt địa lý và cố gắng đảm bảo sự đại diện cân bằng về giới. Các thành viên được bầu sẽ có nhiệm kỳ 2 năm và hoạt động với tư cách chuyên gia.

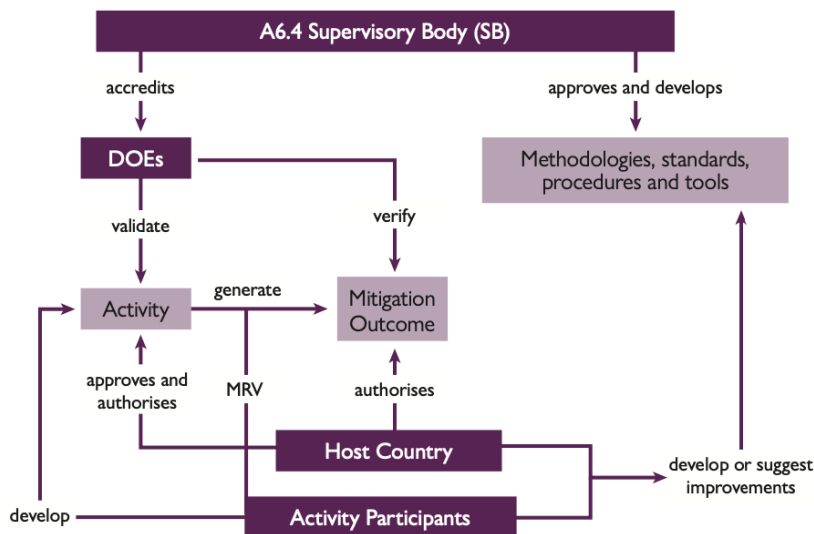
Cơ quan giám sát có những chức năng sau:

- Thực hiện các yêu cầu và quy trình cụ thể để vận hành cơ chế theo Điều 6.4, bao gồm: công nhận các tổ chức được chỉ định; thông qua và/hoặc phát triển các phương pháp luận; đăng ký các hoạt động thuộc Điều 6.4 và gia hạn A6.4ER; cung cấp hỗ trợ cho các bên là nước đang phát triển; chấp thuận và giám sát các thỏa thuận quốc gia của nước chuyển nhượng; tiến hành đăng ký áp dụng các biện pháp bảo vệ xã hội và môi trường và phát triển của các công cụ, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá phát triển bền vững

- Hỗ trợ triển khai cơ chế theo Điều 6.4 thông qua việc phát triển một trang web công cộng; thúc đẩy sự sẵn có của các tổ chức được chỉ định ở tất cả các khu vực; nâng cao nhận thức cộng đồng về cơ chế này; tạo điều kiện đối thoại với các bên chuyển nhượng và các bên liên quan khác trong cơ chế và triển khai các hoạt động nâng cao năng lực;

- Báo cáo hàng năm lên CMA;

- Thực hiện các hoạt động xây dựng năng lực dựa trên chương trình xây dựng năng lực của Ban thư ký UNFCCC thông qua các trung tâm hợp tác khu vực để hỗ trợ các bên muốn tham gia vào cơ chế này. Việc hỗ trợ sẽ tập trung vào việc thiết lập các sắp xếp thể chế cần thiết để thực hiện các yêu cầu do A6.4SB xác định và phát triển năng lực kỹ thuật để thiết kế và thiết lập các cơ sở cho việc áp dụng tại nước sở tại.³⁴



Hình 2: Cơ chế quản lý của Cơ quan giám sát đối với các hoạt động thuộc Điều 6.4³⁵

³⁴ Quyết định 3/CMA.3, đoạn 24.

³⁵ European Capacity Building Initiative, *tlđđ*.

3. Một số vấn đề lưu ý đối với Việt Nam khi tham gia thị trường carbon theo Điều 6.4 Thỏa thuận Paris

Theo quy định tại Quyết định số 232/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đề án thành lập và phát triển thị trường carbon, tín chỉ carbon thu được theo Điều 6.4 Thỏa thuận Paris là một trong những hàng hóa được giao dịch trên thị trường carbon trong nước. Đồng thời, lộ trình triển khai thị trường carbon từ năm 2029 cũng đã tính đến việc nghiên cứu khả năng kết nối thị trường carbon trong nước với thị trường carbon khu vực và thế giới cũng như khả năng chuyển nhượng tín chỉ carbon, kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cho các đối tác nước ngoài. Do vậy, để có thể sử dụng các tín chỉ thu được theo Điều 6.4 Thỏa thuận Paris với mục đích trước tiên tham gia giao dịch trên thị trường carbon trong nước và trong tương lai, chuyển nhượng cho các đối tác nước ngoài, Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, xây dựng các dự án, chương trình đáp ứng đủ các yêu cầu theo Điều 6.4.

Để tín chỉ carbon thu từ các dự án, chương trình được xác định thuộc phạm vi của Điều 6.4 và có thể tham gia các giao dịch carbon quốc tế, các dự án, chương trình phải đáp ứng đủ các yêu cầu theo Điều 6.4 Thỏa thuận Paris và các quy định được thông qua tại cuộc họp CMA như đã chỉ ra phía trên. Cụ thể, nội dung của dự án, chương trình phải được thiết kế để giảm nhẹ phát thải và đạt mức giảm phát thải tại nước chuyển giao, đồng thời không dẫn đến tăng phát thải toàn cầu; kết quả của dự án mang lại lợi ích thực tế, có thể đo lường được và lâu dài liên quan đến biến đổi khí hậu cũng như giảm thiểu các rủi ro trong quá trình phát thải và rủi ro về môi trường và xã hội. Đặc biệt, trước khi đệ trình các dự án, tổ chức, cá nhân bắt buộc phải tiến hành tham vấn các bên liên quan tại địa phương và khi thích hợp, tham vấn cộng đồng, cộng đồng địa phương và người dân bản địa ở cấp địa phương.³⁶ Đây là hoạt động mà tổ chức, cá nhân phải lưu ý thực hiện một cách thực chất, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, các cam kết có liên quan về môi trường trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các quy định do CMA thông qua. Những ý kiến mà các chủ thể đưa ra trong quá trình tham vấn sẽ được DOE xem xét trong quá trình xem xét hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân cũng như quá trình thực hiện dự án sau này

Thứ hai, chuẩn bị và cung cấp các tài liệu thiết kế dự án (*Project design document*, PDD), thông tin theo đúng biểu mẫu để nộp trên trang website của UNFCCC khi đăng ký. Tại kỳ họp thứ tư, CMA đã xây dựng một số yếu tố quy tắc, phương thức và thủ tục (*Regulatory monitoring plan*, RMP) liên quan đến cơ chế theo Điều 6.4, bao gồm “Tiêu chuẩn đối với các chương trình hoạt động thuộc Điều 6.4” (*A6.4-STAN-AC-004 - Standard: Article 6.4 activity standard for programmes of activities*).

Tổ chức, cá nhân Việt Nam muốn có các hoạt động thuộc chương trình theo Điều 6.4 (*Programme of activities*, PoA) được DOE xác nhận phải chuẩn bị tài liệu thiết kế chương trình hoạt động (PoA-DD) bằng cách sử dụng phiên bản hợp lệ của mẫu tài liệu thiết kế chương trình hiện hành và làm theo hướng dẫn trong đó. Tất cả các biểu mẫu này đều được đăng tải trên website UNFCCC. Những nội dung cần được mô tả trong PoA-DD bao gồm những thông tin để hiểu rõ bản chất và phác thảo PoA như chính sách/biện pháp hoặc mục tiêu đã nêu mà PoA muốn đạt được;

36 Quyết định 3/CM.3, đoạn 31.

khung thực hiện và vận hành PoA và đưa CP vào PoA; ranh giới địa lý của PoA; lượng cắt giảm phát thải GHG hàng năm tối đa hoặc lượng loại bỏ GHG ròng dự kiến đạt được bởi các CP được thực hiện tại mỗi Bên chủ nhà có thể được đưa vào PoA...³⁷ Ngoài ra, tổ chức, cá nhân phải thiết lập và cung cấp mô tả về hệ thống quản lý và vận hành để thực hiện PoA A6.4 được đề xuất.³⁸

Trong trường hợp có các dự án cấu thành (*Component project*, CP), để các CP này được DOE xác nhận để đưa vào PoA A6.4, tổ chức, cá nhân phải chuẩn bị tài liệu thiết kế CP (CP-DD) bằng cách sử dụng phiên bản hợp lệ của mẫu CP-DD hiện hành và làm theo hướng dẫn trong đó. Những người tham gia hoạt động muốn có mức giảm phát thải GHG hoặc mức loại bỏ GHG ròng đạt được bởi các CP đã triển khai được đưa vào PoA A6.4 đã đăng ký được DOE xác minh phải chuẩn bị, cho mỗi giai đoạn giám sát, một báo cáo giám sát bằng cách sử dụng phiên bản hợp lệ của mẫu báo cáo giám sát và làm theo hướng dẫn trong đó.³⁹ Thông tin cần có trong CP-DD bao gồm mô tả thiết kế cụ thể của CP như các công nghệ/biện pháp sẽ được CP triển khai và/hoặc thực hiện theo CP chung; phạm vi ngành liên quan đến các phương pháp được áp dụng và có liên quan đến CP; vị trí vật lý/địa lý của CP...⁴⁰

Trong trường hợp có khiếu nại từ các bên liên quan, cần tính đến những khiếu nại này trong quá trình sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tài liệu thiết kế dự án. Đây cũng là một trong những nội dung được DOE xem xét khi thẩm định ngoài những nội dung trên.⁴¹

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân còn phải cung cấp thông tin mô tả về phương pháp luận và đường cơ sở chuẩn hóa; mô tả cách tính toán lượng phát thải hoặc loại bỏ GHG theo đường cơ sở, cũng như các phương thức để ước tính lượng giảm phát thải GHG hoặc lượng loại bỏ GHG ròng. Đồng thời cung cấp kế hoạch giám sát cho từng dự án cấu thành tương ứng; đánh giá tác động môi trường, xã hội và phát triển bền vững của CP và các biện pháp giám sát, khắc phục theo kế hoạch đối với các tác động tiêu cực, nếu có, trong quá trình thực hiện và vận hành CP.⁴²

Theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định và kiểm định dự án theo Điều 6.4 (*Standard: Article 6.4 validation and verification standard for projects - A6.4-STAN-AC-003*), để đưa ra các yêu cầu liên quan đến thẩm định và kiểm định đối với các dự án theo cơ chế Điều 6.4 khi đánh giá thông tin, DOE sẽ áp dụng nhiều phương pháp xác thực khác nhau như xem xét tài liệu, rà soát dữ liệu thông tin, kiểm tra chéo giữa thông tin được cung cấp trong PDD và thông tin từ các nguồn khác, đồng thời có thể thực hiện các hoạt động kiểm tra tại chỗ và phỏng vấn qua điện thoại hoặc email các bên liên quan tại quốc gia chủ nhà.⁴³ Bên cạnh đó, tài liệu thiết kế dự án và thông tin trong Kế hoạch giám sát liên quan đến lượng giảm phát thải GHG hoặc lượng loại bỏ GHG ròng sẽ tiếp tục là căn cứ để DOE giám sát quá trình thực hiện các dự án theo Điều 6.4. Do đó, các thông tin trên cần được xây dựng phù hợp với các hướng dẫn của Cơ quan giám sát cũng như các quy định cụ thể do CMA thông

37 Đoạn 12 của Quy trình A6.4-STAN-AC-004.

38 Đoạn 18 của Quy trình A6.4-STAN-AC-004.

39 Đoạn 8 của Quy trình A6.4-STAN-AC-004.

40 Đoạn 66 của Quy trình A6.4-STAN-AC-004.

41 Đoạn 55, 56 Tiêu chuẩn: Điều 6.4 Tiêu chuẩn thẩm định và xác minh dự án - của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

42 Các mục từ 7.3 đến 7.6 của Quy trình A6.4-STAN-AC-004.

43 Đoạn 22 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

qua, đồng thời cần được cung cấp trong đúng thời hạn một cách đầy đủ và trung thực để cho phép DOE có căn cứ đầy đủ để đánh giá.

Riêng đối với kế hoạch giám sát, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng kế hoạch giám sát cần đảm bảo tính khả thi của các phương tiện thực hiện kế hoạch giám sát. Theo đó, yêu cầu đặt ra là dữ liệu, quy trình kiểm soát chất lượng phải phù hợp để xác minh khối lượng giảm phát thải GHG hoặc loại bỏ GHG ròng⁴⁴ cũng như kế hoạch giám sát phù hợp với phương pháp, các đường cơ sở chuẩn hóa đã áp dụng, và các văn bản có liên quan.⁴⁵

Thứ ba, triển khai dự án và các hoạt động liên quan theo đúng tài liệu dự án đã đăng ký và tài liệu đệ trình khi đăng ký. Đồng thời, chuẩn bị đầy đủ dữ liệu làm căn cứ cho việc giám sát và thẩm định quá trình thực hiện dự án của DOE.

DOE sẽ giám sát xem dự án A6.4 đã đăng ký có được thực hiện theo PDD đã đăng ký hay không cũng như xác định xem lượng giảm phát thải GHG hoặc lượng loại bỏ GHG ròng đã được giám sát theo kế hoạch giám sát đã đăng ký hay chưa. Ví dụ, hoạt động giám sát cần phù hợp với kế hoạch giám sát đã đăng ký; thiết bị được sử dụng để giám sát được kiểm soát và hiệu chuẩn theo kế hoạch giám sát đã đăng ký, các phương pháp áp dụng, các đường cơ sở chuẩn hóa được áp dụng, các tài liệu quy định phương pháp áp dụng khác; kết quả giám sát được ghi lại một cách nhất quán theo tần suất đã được phê duyệt và thủ tục đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng đã được áp dụng theo kế hoạch giám sát đã đăng ký.⁴⁶

Để có căn cứ cho hoạt động của DOE, tổ chức, cá nhân tham gia dự án cần đảm bảo đầy đủ các dữ liệu phục vụ cho quá trình xác minh của DOE, bao gồm tài liệu giám sát; PDD đã đăng ký, bao gồm kế hoạch giám sát đã đăng ký và/hoặc những thay đổi so với PDD đã đăng ký và ý kiến xác nhận tương ứng; báo cáo xác nhận; các báo cáo xác minh và chứng nhận trước đó, nếu có; các phương pháp đã áp dụng, các đường cơ sở chuẩn hóa đã áp dụng và các tài liệu quy định phương pháp đã áp dụng khác; kết quả giám sát các tác động môi trường, tác động xã hội và các lợi ích đồng phát triển bền vững của dự án A6.4 đã đăng ký; bất kỳ thông tin và tài liệu tham khảo nào khác có liên quan đến việc giảm phát thải GHG hoặc loại bỏ GHG ròng của dự án A6.4 đã đăng ký (ví dụ: báo cáo của IPCC, dữ liệu về việc phát điện trong lưới điện quốc gia hoặc phân tích trong phòng thí nghiệm và quy định quốc gia).⁴⁷ Mỗi dữ liệu này phải chứa đựng thông tin phù hợp với các yêu cầu cụ thể để phục vụ hoạt động xác minh của DOE và đảm bảo rằng quá trình xác minh có thể tiến hành được. Ví dụ, dữ liệu về lượng giảm phát thải hoặc lượng loại bỏ ròng GHG phải sẵn có và đầy đủ cho giai đoạn giám sát đã chỉ định; các phép tính về lượng phát thải GHG cơ sở hoặc lượng loại bỏ GHG ròng cơ sở, lượng phát thải GHG của dự án hoặc lượng loại bỏ GHG ròng thực tế và lượng phát thải GHG ròng đã được thực hiện theo các công thức và phương pháp được mô tả trong kế hoạch giám sát đã đăng ký, các phương pháp áp dụng, các đường cơ sở chuẩn hóa đã áp dụng và các tài liệu quy định về phương pháp áp dụng khác; áp dụng đúng các hệ số phát thải thích hợp, các

44 Đoạn 52 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

45 Đoạn 128, 129 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

46 Đoạn 130 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

47 Đoạn 91 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

giá trị mặc định của IPCC, GWP và các giá trị tham chiếu khác.⁴⁸ Để DOE chứng nhận mức giảm phát thải GHG hoặc mức loại bỏ GHG ròng, tổ chức, cá nhân phải cung cấp bản ghi chép kiểm toán chứa bằng chứng và hồ sơ xác nhận các số liệu đã nêu, trong đó, bao gồm các tài liệu nguồn tạo thành cơ sở cho các giả định và thông tin khác làm cơ sở cho dữ liệu GHG⁴⁹ và DOE chỉ chứng nhận mức giảm phát thải GHG hoặc mức loại bỏ GHG ròng dựa trên bằng chứng có thể xác minh được.⁵⁰

Thứ tư, hoàn thiện các quy định của pháp luật quốc gia về cơ chế mua bán tín chỉ carbon theo Điều 6.4. Cụ thể:

Một là, bổ sung các quy định về sự tham gia của Việt Nam với tư cách là nước chuyển giao tín chỉ carbon trong quá trình chuyển nhượng tín chỉ.

Theo các quy định do CMA thông qua, việc chuyển nhượng tín chỉ carbon theo Điều 6.4 phải được sự đồng ý của nước chuyển giao (nước chủ nhà). Khoản 2 Điều 20 a Dự thảo Nghị định về giảm nhẹ phát thải KNK có quy định về chấp thuận chương trình, dự án theo Điều 6.4 nhưng có một số nội dung không tương thích với các quy định của CMA. Cụ thể, Dự thảo yêu cầu cơ quan tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chương trình, dự án tới Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ thống đăng ký quốc gia, trong đó bao gồm Đơn đề nghị theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định; tài liệu thiết kế dự án theo quy định của cơ chế; báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế; bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, theo quy định tại Thủ tục về quy trình chu kỳ hoạt động do các dự án (*Procedure: Article 6.4 activity cycle procedure for projects (Version 02.0) (A6.4-PROC-AC-002)*) của CMA, thông tin làm căn cứ để nước chuyển giao xem xét gồm tài liệu thiết kế dự án, các báo cáo đánh giá tác động của dự án đối với việc thực hiện NDC của nước chuyển giao và các bình luận của các bên liên quan toàn cầu đều được công bố trên website của UNFCCC và BTK sẽ yêu cầu nước chuyển giao dựa trên những thông tin này để phản hồi về việc có chấp thuận dự án được đăng ký theo cơ chế Điều 6.4 hay không, không phải là cơ quan, tổ chức nộp trực tiếp cho nước chuyển giao như quy định trong Dự thảo. Trong trường hợp cần thiết, nước chuyển giao thông qua DNA, yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp thêm thông tin về dự án trước khi ra quyết định. Tất cả các quyết định của nước chuyển giao về việc chấp thuận hay không chấp thuận dự án đều được phản hồi thông qua giao diện chuyên dụng trên website của UNFCCC và sẽ được BTK thông báo cho các bên tham gia dự án.⁵¹

Ngoài ra, Thủ tục về quy trình chu kỳ hoạt động do các dự án (A6.4-PROC-AC-002) quy định về nước chuyển giao phải tuyên bố trước khi phát hành A6.4ER đầu tiên cho dự án thông qua giao diện chuyên dụng trên website UNFCCC về việc có cho phép A6.4ER được sử dụng nhằm đạt được NDC và/hoặc cho các mục đích giảm nhẹ quốc tế khác không. Tuy nhiên nội dung này hiện nay hoàn toàn chưa được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam, kể cả Dự thảo Nghị định về giảm nhẹ phát thải KNK.

48 Đoạn 139 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

49 Đoạn 93 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

50 Đoạn 95 của Quy trình A6.4-STAN-AC-003.

51 Đoạn 20, 21 của Quy trình A6.4-PROC-AC-002.

Vì vậy, cần bổ sung các quy định về chấp thuận của Việt Nam đối với các dự án, chương trình mua bán tín chỉ carbon theo Điều 4.6 nếu cơ quan, tổ chức muốn chuyển nhượng tín chỉ carbon cho các đối tác nước ngoài theo hướng nội luật hóa và phản ánh đúng các quy định do CMA thông qua trong Thủ tục về quy trình chu kỳ hoạt động do các dự án (A6.4-PROC-AC-002) về nộp tài liệu của cơ quan tổ chức tham gia dự án, hình thức phản hồi của Việt Nam thông qua Cục Biến đổi khí hậu (là DNA do Việt Nam chỉ định và công bố), kể cả yêu cầu nộp bổ sung tài liệu; đồng thời, quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, sự tham gia của các cơ quan có thẩm quyền trong nước trong việc xem xét để gửi ý kiến cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường làm căn cứ cho cơ quan này quyết định có chấp thuận dự án hay không. Bên cạnh đó, bổ sung quy định về thông báo có chấp thuận cho phép A6.4ER đầu tiên được sử dụng nhằm đạt được NDC và/hoặc cho các mục đích giảm nhẹ quốc tế khác của Việt Nam không trước khi A6.4ER đầu tiên được phát hành đối với từng dự án cũng như căn cứ để đưa ra quyết định.

Hai là, bổ sung các quy định về tín chỉ carbon rừng. Việt Nam đã có dự án thuộc phạm vi của Điều 6.4, bao gồm dự án về tín chỉ carbon rừng theo Thỏa thuận thanh toán giảm phát thải KNK khu vực Bắc Trung Bộ ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng Tái thiết và phát triển quốc tế cùng bên ủy thác Quỹ đối tác carbon rừng vào ngày 20/10/2020.⁵² Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về vấn đề này. Do đó, cần sớm hoàn thiện cơ sở pháp lý về tín chỉ carbon rừng như quyền chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng phát sinh từ các chương trình REDD+; điều kiện mua bán tín chỉ carbon của Việt Nam; nội dung của quyền đối với tín chỉ carbon rừng và công nhận kết quả giảm phát thải KNK.⁵³

Thứ năm, cần nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức của Việt Nam. Để tham gia cơ chế mua bán tín chỉ carbon theo Điều 6.4, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức của Việt Nam phải nắm vững các quy định của Thỏa thuận Paris, đặc biệt là các quy định do CMA thông qua từ yêu cầu đối với chương trình, dự án, quy trình, thủ tục đăng ký đến các yêu cầu trong quá trình thẩm định, cơ chế đăng ký... Những quy định này khá phức tạp, trong đó, có những vấn đề mang tính kỹ thuật rất cao, như phương pháp luận, xác định đường cơ sở, đồng thời lại được cập nhật liên tục với các phiên bản khác nhau. Do đó, cần tổ chức các khóa tập huấn, các chương trình cũng như xây dựng các tài liệu hướng dẫn cho doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đồng thời bản thân các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực liên quan đến mua bán tín chỉ carbon cũng cần thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức để vừa đảm bảo xây dựng cơ sở pháp lý quốc gia đầy đủ cho việc kết nối với thị trường carbon quốc tế nói chung và theo Điều 6.4 nói riêng, vừa hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp, tổ chức cá nhân tham gia hiệu quả vào cơ chế này.

52 Trung tâm Con người và Thiên nhiên, “Chính sách chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ: Hồi đáp dành cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng quản lý, bảo vệ rừng”, *Trang thông tin điện tử của Trung tâm Con người và Thiên nhiên*, https://nature.org.vn/wp-content/uploads/2023/05/2023_ERPAhandbook_final.pdf, truy cập ngày 15/06/2025.

53 Phạm Hong Hanh, “International emission trading under the Paris Agreement and recommendations for Vietnam’s participation”, *Journal of Legal Studies*, Hanoi Law University, No. 1, 2024, tr. 69-90.

Kết luận

Hiện nay thị trường carbon Việt Nam vẫn đang trong quá trình xây dựng, thí điểm để có thể đi vào vận hành từ năm 2029 theo đúng lộ trình. Để có thể đạt được kế hoạch đặt ra đối với thị trường carbon trong nước và kết nối với thị trường carbon quốc tế trong tương lai, cần phải tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, từ hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường năng lực cho cơ quan quản quản lý Nhà nước, cho đến nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... với sự phối hợp của nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau. Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris đã thiết lập một cơ chế tín chỉ và đường cơ sở quốc tế để góp phần giảm nhẹ biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.⁵⁴ Xuất phát từ những lợi ích của thị trường carbon cũng như tiềm năng của Việt Nam trong việc tham gia thị trường này, việc thực hiện những yêu cầu, nhiệm vụ để có thể sẵn sàng vận hành thị trường carbon trong nước và kết nối với nước ngoài là một biện pháp hiệu quả, góp phần đạt được các mục tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Victoria Brandemann, Nicolas Kreibich and Wolfgang Obergassel, “Implementing Paris cooperatively: market mechanisms in the latest NDC submissions”, *Policy Paper*, Wuppertal Institute, Wuppertal, No. 01, 2021
- [2] Climate change regional Collaboration Centres, “Webinar series overview of Article 6.4 mechanism”, *UNFCCC*, 2023
- [3] Jae Edmonds, Dirk Forrister, Leon Clarke, Stefano de Clara, Clayton Munnings, “The economic potential of Article 6 of the Paris Agreement and implementation challenges”, *World Bank Group*, 2019, DOI: <https://doi.org/10.1596/33523>
- [4] European Capacity Building Initiative, “Pocket guide to Article 6 under the Paris Agreement”, *Oxford Climate Policy*, 2022
- [5] Axel Michaelowa, Ulf Moslener, Szymon Mikolajczyk, Stephan Hoch, Paula Pauw, Matthias Krey, Karol Kempa, Aglaja Espelage, Kaja Weldner and Carsten Jung, *Opportunities for mobilizing private climate finance through Article 6*, Perspectives Climate Group, Frankfurt School, Climate Focus, Freiburg, 2019
- [6] Allen A. Fawcett, Gokul C. Iyer, Leon E. Clarke, James A. Edmonds, Nathan E. Hultman, Haewon C. Mcjeon, Joeri Rogelj, Reed Schuler, Jameel Alsalam, Ghassem R. Asrar, Jared Creason, Minji Jeong, James Mcfarland, Anupriya Mundra, And Wenjing Shi, “Can Paris pledges avert severe climate change?”, *Science*, Vol. 350, 2015, DOI: <https://doi.org/10.1126/science.aad5761>
- [7] Pham Hong Hanh, “International emission trading under the Paris Agreement and recommendations for Vietnam’s participation”, *Journal of Legal Studies*, Hanoi Law University, No. 1, 2024
- [8] Đào Gia Phúc, Phạm Hồng Hạnh, “Một số vấn đề lý luận về kinh doanh phát thải và pháp luật quốc tế về kinh doanh phát thải”, *Kinh doanh phát thải – Pháp luật quốc tế, thực tiễn một số quốc gia và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Phạm Hồng Hạnh (chủ biên), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2023 [trans: Dao Gia Phuc, Pham Hong Hanh, “Some theoretical issues on emissions trading and international law on emissions trading”, *Emission Trading – International Law, practice in some countries and experience for Vietnam*, Pham Hong Hanh (editor), People’s Police Publishing House, Hanoi, 2023]
- [9] Tom Tietenberg, Michael Grubb, Axel Michaelowa, Byron Swift and ZhongXiang Zhang, *International Rules for Greenhouse Gas Emissions Trading: Defining the principles, modalities, rules and guidelines for verification, reporting and accountability*, United Nations conference on trade and development, UNCTAD/GDS/GFSB/Misc.6, 1999
- [10] Trung tâm Con người và Thiên nhiên, “Chính sách chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ: Hỏi đáp dành cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng quản lý, bảo vệ rừng”, *Trang thông tin điện tử của Trung tâm Con người và Thiên nhiên* [trans: Center for People and Nature, “Handbook emission reduction payment policy in the North Central Region – Questions and answers for individuals, households and communities who manage and protect forests”, *Website of the Center for Human and Nature*]